TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2023/DS-ST
Ngày: 21 - 3 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Hứa Văn Khương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thanh Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Lâm Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 41/2023/QĐST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà T. Địa chỉ: Ấp A1, xã B1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông C và bà D. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2022, đơn yêu cầu (v/v thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện) đề ngày 21/3/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T trình bày:* Bà T có tham gia 05 phần hụi trong 05 dây hụi do ông C, bà D làm đầu thảo, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi mùa 5.000.000đ (khui theo vụ lúa, 04 tháng/lần), mở ngày 02/7/2017 AL gồm 16 phần, bà T tham gia 01 phần, đóng hụi sống đến lần thứ 12. Tháng 02/2021 AL khui lần thứ 13 ông C, bà D ngưng không khui nữa. Như vậy, ông C, bà D còn nợ bà T 12 lần x 5.000.000đ = 60.000.000đ.

Dây 2: Hụi mùa 5.000.000đ (khui theo vụ lúa, 04 tháng/lần), mở ngày 02/7/2017 AL gồm 16 phần, bà T tham gia 01 phần, đóng hụi sống đến lần thứ 12. Tháng 02/2021 AL khui lần thứ 13 ông C, bà D ngưng không khui nữa. Như vậy, ông C, bà D còn nợ bà T 12 lần x 5.000.000đ = 60.000.000đ.

Dây 3: Hụi mùa 5.000.000đ (khui theo vụ lúa, 04 tháng/lần), mở ngày 09/11/2017 AL gồm 16 phần, bà T tham gia 01 phần, đóng hụi sống đến lần thứ 11. Tháng 7/2021 AL khui lần thứ 12 ông C, bà D ngưng không khui nữa. Như vậy, ông C, bà D còn nợ bà T 11 lần x 5.000.000đ = 55.000.000đ.

Dây 4: Hụi mùa 5.000.000đ (khui theo vụ lúa, 04 tháng/lần), mở ngày 29/7/2018 AL gồm 15 phần, bà T tham gia 01 phần, đóng hụi sống đến lần thứ 10. Tháng 10/2021 AL khui lần thứ 11 ông C, bà D ngưng không khui nữa. Như vậy, ông C, bà D còn nợ bà T 10 lần x 5.000.000đ = 50.000.000đ.

Dây 5: Hụi mùa, hụi vàng 02 chỉ vàng 24K/phần (khui theo vụ lúa, 04 tháng/lần), mở ngày 24/3/2018 AL gồm 15 phần, bà T tham gia 01 phần, đóng hụi sống đến lần thứ 10. Tháng 7/2021 AL khui lần thứ 11 ông C, bà D ngưng không khui nữa. Như vậy, ông C, bà D còn nợ bà T 09 lần x 1,2 chỉ vàng 24K = 10,8 chỉ vàng 24K.

Tổng cộng 05 dây hụi trên ông C, bà D còn nợ bà T 225.000.000đ và 10,8 chỉ vàng 24K. Bà T đã nhiều lần yêu cầu ông C, bà D trả số tiền, vàng hụi này nhưng ông C, bà D không trả.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà D trả cho bà T số tiền, vàng hụi còn nợ là 225.000.000đ và 10,8 chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi.

Do bận nhiều công việc và không có thời gian đến tham dự phiên tòa, nên bà T đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm và trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Mọi vấn đề có liên quan bà T vẫn giữ nguyên theo đơn khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà D trả cho bà T số tiền, vàng hụi còn nợ là 225.000.000đ và 10,8 chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi, ngoài ra bà T không yêu cầu giải quyết về vấn đề gì khác. Bà T cam kết không khiếu nại gì về sau.

* *Bị đơn ông C:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C nhưng ông C không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

* *Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà D trình bày:* Bà D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, vì từ năm 2016 bà D đã không còn làm chủ hụi và bàn giao lại cho con dâu của bà D là bà O. Bà T đóng hụi sống cho bà O, những người đã hốt hụi xong cũng đóng hụi chết cho bà O chứ không có đóng cho bà D. Từ năm 2016, bà O khui hụi tại nhà bà O ở ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, do nhà bà O diện tích nhỏ nên khi có quá nhiều hụi viên thì bà O có mượn nhà bà D để khui hụi, lần cuối cùng vào khoảng tháng 3/2021 bà O có khui hụi tại nhà bà D một lần và từ đó cho đến nay không còn khui hụi tại nhà bà D nữa. Việc bà D bàn giao sổ sách hụi cho bà O thì bà D có công bố cho các hụi viên biết nhưng chỉ bằng lời nói mà không có làm văn bản, sự việc này có một số hụi

viên biết, bà D sẽ cung cấp họ tên để yêu cầu Tòa án xác minh đối với những người này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt thì bà T vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện đã được thay đổi một phần theo đơn yêu cầu (v/v thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện) đề ngày 21/3/2023; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện đã được thay đổi một phần theo đơn yêu cầu (v/v thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện) đề ngày 21/3/2023 của bà T, giải quyết buộc ông C, bà D trả cho bà T số tiền, vàng hụi còn nợ là 225.000.000đ và 10,8 chỉ vàng 24K quy ra tiền theo đơn giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện ban đầu, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà D trả cho bà T số tiền, vàng hụi còn nợ là 225.000.000đ và 20 chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng góp hụi là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các bị đơn ông C, bà D có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Theo đơn khởi kiện ban đầu, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà D trả cho bà T số tiền, vàng hụi còn nợ là 225.000.000đ và 20 chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên, theo đơn yêu cầu (v/v thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện) đề ngày 21/3/2023, bà T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà D trả cho bà T số tiền, vàng hụi còn nợ là 225.000.000đ và 10,8 chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của bà T là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông C, bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham

gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[5] Về số tiền nợ hụi: Bà T cho rằng bà T có tham gia chơi hụi do ông C, bà D làm chủ hụi, gồm: **1.** Dây hụi mùa 5.000.000đ (04 tháng khui 01 lần), mở ngày 02/7/2017 AL, dự kiến mãn ngày 02/7/2022 AL, có 16 phần, bà T tham gia 01 phần (trong danh sách hụi để tên "Chị K", do chồng bà T tên K), đóng hụi sống được 12 lần, từ lần khui thứ 13 đến 16 (tại các vụ tháng 7/2021, 11/2021, 3/2022, 7/2022 AL) ông C, bà D không khui hụi nữa và không trả số tiền hụi còn nợ là 60.000.000đ cho bà T; **2.** Dây hụi mùa 5.000.000đ (04 tháng khui 01 lần), mở ngày 02/7/2017 AL, dự kiến mãn ngày 02/7/2022 AL, có 16 phần, bà T tham gia 01 phần (trong danh sách hụi để tên "Chị K"), đóng hụi sống được 12 lần, từ lần khui thứ 13 đến 16 (tại các vụ tháng 7/2021, 11/2021, 3/2022, 7/2022 AL) ông C, bà D không khui hụi nữa và không trả số tiền hụi còn nợ là 60.000.000đ cho bà T; **3.** Dây hụi mùa 5.000.000đ (04 tháng khui 01 lần), mở ngày 09/11/2017 AL, dự kiến mãn ngày 09/11/2022 AL, có 16 phần, bà T tham gia 01 phần (trong danh sách hụi để tên "Chị K"), đóng hụi sống được 11 lần, từ lần khui thứ 12 đến 16 (tại các vụ tháng 7/2021, 11/2021, 3/2022, 7/2022, 11/2022 AL) ông C, bà D không khui hụi nữa và không trả số tiền hụi còn nợ là 55.000.000đ cho bà T; **4.** Dây hụi mùa 5.000.000đ (04 tháng khui 01 lần), mở ngày 29/7/2018 AL, dự kiến mãn ngày 29/3/2023 AL, có 15 phần, bà T tham gia 01 phần (trong danh sách hụi để tên "Chị K"), đóng hụi sống được 10 lần, từ lần khui thứ 11 đến 15 (tại các vụ tháng 11/2021, 3/2022, 7/2022, 11/2022, 3/2023 AL) ông C, bà D không khui hụi nữa và không trả số tiền hụi còn nợ là 50.000.000đ cho bà T; **5.** Dây hụi mùa, hụi vàng 02 chỉ vàng 24K (04 tháng khui 01 lần), mở ngày 24/3/2018 AL, có 15 phần, bà T tham gia 01 phần (trong danh sách hụi để tên "Chị K"), đóng hụi sống được 10 lần, từ lần khui thứ 11 đến 15 (tại các vụ tháng 7/2021, 11/2021, 3/2022, 7/2022, 11/2022 AL) ông C, bà D không khui hụi nữa và không trả số vàng hụi còn nợ là 10,8 chỉ vàng 24K cho bà T; tổng cộng 05 dây hụi nêu trên ông C, bà D còn nợ bà T số tiền, vàng hụi là 60.000.000đ + 60.000.000đ + 55.000.000đ + 50.000.000đ = 225.000.000đ và 10,8 chỉ vàng 24K, nay bà T yêu cầu ông C, bà D trả số tiền này.

[6] Xét thấy, lời trình bày của bà T là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng sự xác nhận của ông L là đại diện Ban nhân dân ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và các ông, bà L1, L2, L3, L4, L5, L6 là các hụi viên có tham gia chơi 05 dây hụi nêu trên tại các Biên bản xác minh ngày 13/02/2023 (BL 43-46) và các tình tiết được nhận định, quyết định trong Bản án số 88/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã giải quyết tranh chấp giữa ông X, bà Y với ông C, bà D đối với dây hụi vàng mở ngày 24/3/2018 AL nêu trên (BL 65-71). Theo đó, ông L xác nhận ông C, bà D hiện nay có thiếu nợ nhiều người tại địa phương và một số người đã kiện ông C, bà D ra Tòa án về việc tranh chấp nợ hụi; việc ông C, bà D làm chủ hụi, tổ chức chơi hụi công khai tại địa phương, có nhiều người tham gia, khui hốt hụi ngay tại nhà ông C, bà D. Còn các ông, bà L1, L2, L3, L4, L5, L6 xác nhận các ông, bà có tham gia chơi 05 dây hụi nêu trên do ông C, bà D làm chủ hụi; bà T có tham gia chơi 05 dây hụi

nêu trên, trong danh sách hụi để tên "Chị K", hụi chưa mãn thì ông C, bà D không khui hụi nữa, số tiền hụi sống mà bà T đã đóng thực tế cho ông C, bà D là bao nhiêu thì không rõ; việc ông C, bà D cho rằng hụi do con dâu của ông C, bà D làm chủ hụi không liên quan gì đến ông C, bà D là không đúng sự thật, mục đích là nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ hụi; ngoài việc nợ tiền hụi bà T đối với 05 dây hụi nêu trên thì ông C, bà D còn nợ rất nhiều người khác ở địa phương đối với các dây hụi khác, gồm có cả hụi tháng lẫn hụi mùa, nhưng hiện nay đều trốn tránh không đồng ý trả nợ hụi; việc ông C, bà D làm chủ hụi, tổ chức chơi hụi, khui hốt hụi… diễn ra công khai tại địa phương, có nhiều người tham gia, khui hốt hụi ngay tại nhà ông C, bà D. Các ông, bà nêu trên không có mâu thuẫn, xích mích với ông C, bà D nên lời xác nhận của họ là trung thực, đảm bảo tính khách quan để làm chứng cứ trong vụ án này, là căn cứ xác định lời trình bày của bà T là đúng sự thật.

[7] Về phía ông C, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C nhưng ông C không có văn bản trả lời Thông báo về việc thụ lý vụ án và cũng không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án, nên được coi là ông C đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình trong vụ án này. Riêng bà D cho rằng từ năm 2016 đã không còn làm chủ hụi và bàn giao lại các dây hụi cho con dâu, nhưng đây chỉ là lời trình bày một phía của bà D chứ không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh; bà T cũng không thừa nhận lời trình bày của bà D; đồng thời, trong nhiều bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án (BL 65-96) đều xác định chủ hụi là ông C, bà D chứ không phải con dâu của ông C, bà D, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; do đó, lời trình bày của bà D là không có căn cứ để chấp nhận.

[8] Từ đó, có căn cứ xác định việc ông C, bà D làm chủ hụi, tổ chức việc chơi hụi có sự tham gia của bà T nhưng ông C, bà D đã không duy trì được đến ngày hụi mãn, là sự việc có thật. Do ông C, bà D đã có lỗi trong việc vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận góp hụi khi không duy trì được đến ngày hụi mãn, số tiền góp hụi của các hụi viên chưa được tính toán để hoàn lại, chính sự vi phạm nghĩa vụ này đã trực tiếp gây thiệt thòi đến quyền lợi của bà T, nên ông C, bà D phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền, vàng hụi còn nợ là 225.000.000đ và 10,8 chỉ vàng 24K theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và các Điều 23, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019.

[9] Về vấn đề tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tính lãi đối với số tiền, vàng hụi còn nợ là 225.000.000đ và 10,8 chỉ vàng 24K, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về vấn đề tiền lãi.

[10] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông C, bà D phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền, vàng hụi còn nợ là 225.000.000đ và 10,8 chỉ vàng 24K (quy đổi ra thành tiền theo giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 58.968.000đồng), tổng cộng là 283.968.000đ.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí sơ thẩm: Ông C, bà D phải cùng chịu án phí sơ thẩm là 283.968.000đ x 5% = 14.198.400đ tương ứng trên số tiền, vàng hụi còn nợ bị Tòa án buộc trả theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; các Điều 23, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu ông C, bà D trả số tiền, vàng hụi còn nợ.

Buộc ông C, bà D phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền, vàng hụi còn nợ là 225.000.000đồng và 10,8 chỉ vàng 24K (quy đổi ra thành tiền theo giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 58.968.000đồng), tổng cộng là 283.968.000đồng (*Hai trăm tám mươi ba triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng ông C, bà D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà T không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà T đã nộp là 5.625.000đồng (*Năm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004918, ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Ông C, bà D phải cùng chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 14.198.400đồng (*Mười bốn triệu một trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (03);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt